

Bản án số: 79/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12- 10 - 2018.
V/v: “xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mười.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hiền.
2. Ông Trần Văn Hưng.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 347/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018, về việc: “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2018/QĐXX-ST, ngày 18 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Anh Phạm Văn C, sinh năm 1983.

Địa chỉ: xã AK, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

2. ***Bị đơn:*** Chị Lê Thị Ng, sinh năm 1978.

Địa chỉ: PS, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Anh C có mặt tại phiên tòa, chị Ng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****/ Theo đơn khởi kiện ngày 16/8/2018, bản tự khai, biên bản phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Văn C trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn C và chị Lê Thị Ng tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AK vào ngày 01/9/2011. Thời gian đầu anh, chị sống với nhau hạnh phúc, sau đó từ năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã, dẫn đến không hạnh phúc và anh, chị đã ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị Ng nữa và kiên quyết xin ly hôn.

Về con chung: Có 01 con tên Phạm Tấn Lộc, sinh ngày 14/6/2013. Sau khi ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi cháu Lộc, không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng, nếu cháu Lộc đồng ý theo mẹ thì anh đồng ý để cháu Lộc cho mẹ nuôi và không đồng ý cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

****/ Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, cùng các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án bị đơn chị Lê Thị Ng có lời trình bày:***

Qua lời trình bày của anh C về thời gian sống chung, điều kiện kết hôn, nguyên nhân ly hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Nay anh Công xin ly hôn thì chị cũng đồng ý.

Về con chung: Có 01 con tên Phạm Tấn Lộc, sinh ngày 14/6/2013. Sau khi ly hôn thì chị có nguyện vọng được nuôi cháu Lộc và yêu cầu anh Công cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Văn C có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre giải quyết việc hôn nhân của anh và chị Lê Thị Ng, hiện tại chị Ng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường S, thành phố BT, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Chị Lê Thị Ng là bị đơn được Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng chị Ng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị Lê Thị Ng là phù hợp theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 01/9/2011, Ủy ban nhân dân xã AK, huyện CT, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho anh Phạm Văn Công và chị Lê Thị Ng nên quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Văn C và chị Lê Thị Ng là hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, không hạnh phúc và chúng tôi đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn với chị Nguyệt nữa nên không còn khả năng đoàn tụ. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị Ng đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, anh C yêu cầu được ly hôn với chị Ng và cũng phù hợp với ý kiến của chị Nguyệt tại biên bản lấy lời khai thì chị Ng đồng ý ly hôn với anh C. Do vậy, ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn Công và chị Lê Thị Ng là phù hợp theo qui định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Phạm Văn C và chị Lê Thị Ng khai có 01 con tên Phạm Tấn Lộc, sinh ngày 14/6/2013. Tại phiên tòa, anh C cũng đồng ý để cháu Lộc cho chị Ng nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận việc nuôi con của anh C và chị Ng; chị Ng là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lộc.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Ng yêu cầu anh Phạm Văn C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Xét thấy anh Phạm Văn đã cung cấp cho Tòa án sổ lĩnh tiền trợ cấp hàng tháng thuộc nhiễm chất độc màu da cam loại nặng đã được Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Châu Thành cấp ngày 17/12/2012 và 01 giấy chứng nhận hộ nghèo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã An Khánh, huyện Châu Thành cấp ngày 02/01/2018 thì với các chứng cứ mà anh C cung cấp cho Tòa án đã đủ cơ sở xác định anh C hiện nay là đối tượng được xã hội trợ cấp hàng tháng thì anh C không có khả năng để cấp dưỡng nuôi

con hàng tháng theo yêu cầu của chị Ng. Do đó, việc chị Ng yêu cầu cấp dưỡng hàng tháng để chị nuôi con đối với anh C là không có căn cứ.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phạm Văn C và chị Lê Thị Ng khai không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết,

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì anh Phạm Văn C phải chịu là 300.000 đồng nhưng anh C được miễn án phí theo quy định vì anh C thuộc hộ nghèo. Án phí cấp dưỡng do yêu cầu cấp dưỡng của chị Ng không được chấp nhận nên chị Nguyệt phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn C và chị Lê Thị Ng.

2. Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cho chị Lê Thị Ng là người trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Tấn Lộc, sinh ngày 16/4/2013.

Anh Phạm Văn C là người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền ngăn cản anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn Lê Thị Ng về việc yêu cầu anh Phạm Văn C cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phạm Văn C và chị Lê Thị Ng khai không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Anh Phạm Văn C được miễn theo quy định, do anh C thuộc diện hộ nghèo. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng cho anh Phạm Văn C theo biên lai thu tiền số: 0019481 ngày 16/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

6. Án phí cấp dưỡng là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Lê Thị Ng phải chịu.

7. Anh Phạm Văn C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15(Mười lăm) ngày tròn kể từ ngày tuyên án; riêng chị Lê Thị Ng cũng được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo trình tự phúc thẩm.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHS);
- VKSND TP. Bến Tre, t. Bến Tre;
- Chi cục THADS Tp Bến Tre, t. Bến Tre;
- UBND xã An Khánh, h.Châu Thành, t Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Lưu HS vụ án + Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Thị Mười

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền- Trần Văn Hưng

Huỳnh Thị Mười

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHS);
- VKSND TP. Bến Tre, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre, T. Bến Tre;
- UBND xã An Khánh, h.Châu Thành, t Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Lưu HS vụ án + Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Mười

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bé Em- Nguyễn Thị Ngọc Thôi

Huỳnh Thị Mười

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHS);
- VKSND TP. Bến Tre, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre, T. Bến Tre;
- UBND p. Linh Đông, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Mười